

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Minh Phương**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ANH ĐỨC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Phạm Thị Minh Phương**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Minh Phương

Mã SV: 1212401078

Lớp: QT1601K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>3</b>
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	5
1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu .....	7
1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	8
1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.5.4 Kế toán chi phí kinh doanh.....	18
1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	20
1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác .....	23
1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	25
1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán .....	28
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ANH ĐỨC.....</b>	<b>33</b>
2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	33
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	33
2.1.2 Đối tượng và kì hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	34
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	34
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	36

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	38
2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	38
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	38
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	50
2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	54
2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức.....	60
2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức.....	64
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	64
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ANH ĐỨC .....</b>	<b>79</b>
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Dịch vụ và du lịch Anh Đức .....	79
3.1.1 Ưu điểm.....	79
3.1.2 Hạn chế:.....	81
3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh .....	81
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức.....	82
3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức.....	82
3.4.1 Kiến nghị 1: Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh	82
3.4.2 Kiến nghị 2: Về chính sách chăm sóc khách hàng.....	85
3.4.3 Kiến nghị 3: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán ....	85
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp .....	87
3.5.1 Về phía nhà nước .....	87
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	87
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>88</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>89</b>



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần đây tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	33
Biểu số 2.2: Hoá đơn GTGT 0001701 .....	40
Biểu số 2.3: Phiếu thu .....	41
Biểu số 2.4: Hoá đơn GTGT 0001711 .....	43
Biểu số 2.5: Phiếu thu .....	44
Biểu số 2.6: Trích bảng kê khách lẻ.....	45
Biểu số 2.7: Hoá đơn GTGT 0001711 .....	46
Biểu số 2.8: Phiếu thu .....	47
Biểu số 2.9 : Nhật kí chung.....	48
Biểu số 2.10: Sổ cái.....	49
Biểu số 2.11 Phiếu kế toán.....	50
Biểu số 2.12: Nhật kí chung.....	52
Biểu số 2.13 Sổ cái tài khoản 642.....	53
Biểu số 2.14. Hoá đơn tiền điện thoại.....	55
Biểu số 2.15: Phiếu chi.....	56
Biểu số 2.16 Khấu hao TSCĐ.....	57
Biểu số 2.17 Nhật kí chung.....	58
Biểu số 2.18: Sổ cái tài khoản 642.....	59
Biểu số 2.19: Giấy báo lãi.....	61
Biểu số 2.20: Nhật kí chung.....	62
Biểu số 2.21 Sổ cái.....	63
Biểu số 2.22: Phiếu kế toán.....	64
Biểu số 2.23 Phiếu kế toán.....	65
Biểu số 2.24: Nhật kí chung.....	66
Biểu số 2.25: Sổ cái.....	67
Biểu số 2.26: Sổ cái.....	68
Biểu số 2.27 : Sổ cái.....	69
Biểu số 2.28 : Sổ cái.....	70

Biểu số 2.29: Sổ cái.....	73
Biểu số 2.30: Phiếu kế toán.....	71
Biểu số 2.31: Phiếu kế toán.....	71
Biểu số 2.32: Phiếu kế toán.....	72
Biểu số 2.33: Nhật kí chung.....	75
Biểu số 2.34 : Sổ cái.....	76
Biểu số 2.35 : Sổ cái.....	77
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	83
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .....	84

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp). ....	9
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp. ....	10
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý).....	10
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý).....	11
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....	16
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại. ....	17
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh. ....	20
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán doanh thu và chi phí tài chính.....	22
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ kế toán chi phí khác và thu nhập khác .....	24
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	27
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	29
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái. ....	30
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	31
Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy. ....	32
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	34
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức .....	36
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	38

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn luôn lo lắng và băn khoăn là: “ Hoạt động kinh doanh có hiệu quả không? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra không? Làm thế nào để tối đa hoá lợi nhuận. Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh, khi sản phẩm dịch vụ của công ty được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về một khoản tiền, khoản tiền này gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt mức tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lý, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thật vậy, để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán về doanh thu nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, em đã chọn đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hoá lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Mô tả được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức
- Phạm vi nghiên cứu: Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

#### **5. Kết cấu của khoá luận**

**Chương 1:** Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức.

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

##### ➤ **Bán hàng:**

Bán hàng là khâu cuối cùng trong hoạt động kinh doanh, là quá trình thực hiện giá trị của hàng hoá. Nói khác đi, bán hàng là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hoá của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

Trong quá trình kinh doanh, quá trình bán hàng là yếu tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Hàng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, giá thành hạ thì hàng hoá của doanh nghiệp tiêu thụ nhanh mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp một vị trí vững chắc trên thị trường.

##### ➤ **Sản phẩm tiêu thụ:**

Tiêu thụ sản phẩm là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tiêu thụ sản phẩm là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hoá, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

➤ **Doanh thu:** Là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kì hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

➤ **Doanh thu thuần:** Được xác định bằng giá trị các khoản đã thu được sau khi trừ các khoản giảm trừ doanh thu

##### ➤ **Thời điểm ghi nhận doanh thu:**

Thời điểm được quy định như sau nếu hàng hoá được xác định là tiêu thụ:

+ Đối với phương thức bán buôn qua kho, buôn bán vận chuyển theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nợ

+ Đối với phương thức bán buôn qua kho, buôn bán vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua, bên bán thu được tiền hàng hoặc nhận nợ

+ Đối với phương thức bán hàng đại lý, kí gửi, khi người đại lý kí gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán.

➤ **Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (lãi hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh”

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí Quản lý kinh doanh

- *Hoạt động tài chính và kết quả hoạt động tài chính:*

Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn nhằm mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính và các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

- *Hoạt động khác và kết quả hoạt động khác:*

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, khác hoạt động khác như thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xóa sổ....

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác với chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập thuần từ hoạt động khác – Chi phí từ hoạt động khác

## 1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Để xác định và ghi nhận doanh thu mỗi doanh nghiệp cần phải tuân theo những quy định trong chuẩn mực 14 : “Doanh thu và thu nhập khác”

Ghi nhận doanh thu và các chi phí phải tuân theo một nguyên tắc phù hợp, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó

- Ghi nhận doanh thu bán hàng:
  - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau:
    - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua
    - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá
    - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
    - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
    - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
  - Trường hợp doanh nghiệp vẫn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:
    - + Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để sản phẩm được hoạt động bình thường mà điều này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường
    - + Việc thanh toán tiền hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua
    - + Hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành
    - + Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có thể bị trả lại hay không
- Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ



- Cung cấp dịch vụ nghĩa là đã thực hiện những công việc đã thoả thuận trong hợp đồng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy
- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:
  - + Doanh thu được xác nhận tương đối chính xác
  - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ
  - + Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01
  - + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia :
  - Tiền lãi: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương như tiền : lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu,...
  - Tiền bản quyền : là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại,...
  - Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn
  - Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:
    - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
    - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
  - Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
    - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kì
    - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
    - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức

### **1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu**

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hoá bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là giá bao gồm cả VAT
- Với hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là giá bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.
- Với doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá trả tiền 1 lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kì), không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Lãi trả chậm, trả góp hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kì
- Với những doanh nghiệp nhận gia công hàng hoá vật tư thì doanh thu là số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm trị giá vật tư hàng hoá nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.
- Với doanh nghiệp làm đại lý thì doanh thu là số tiền hoa hồng thực tế được hưởng, không bao gồm số tiền thu được từ bán hàng.
- Doanh nghiệp cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê cho nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính được xác định bằng tổng số tiền nhận trước chia cho số năm trả trước.
- Đối với sản phẩm hàng hoá đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách trả lại hay yêu cầu giảm giá do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng hoặc khi người mua mua với số lượng lớn được hưởng chiết khấu, kế toán sẽ theo dõi chi tiết trên TK 5211, 5212, 5213.
- Các trường hợp không được hạch toán vào TK 511:
  - + Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được
  - + Các khoản nợ không có người đòi
  - + Các khoản thu nhập khác như phạm vi phạm hợp đồng

### **1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.

Nhiệm vụ của kế toán chi phí: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh đúng.

## **1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

### **1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Chứng từ sử dụng
  - ✓ Hóa đơn thuế GTGT
  - ✓ Hóa đơn bán hàng
  - ✓ Phiếu thu
  - ✓ Giấy báo có
- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Bên Nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kì
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kì
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

❖ Bên Có:

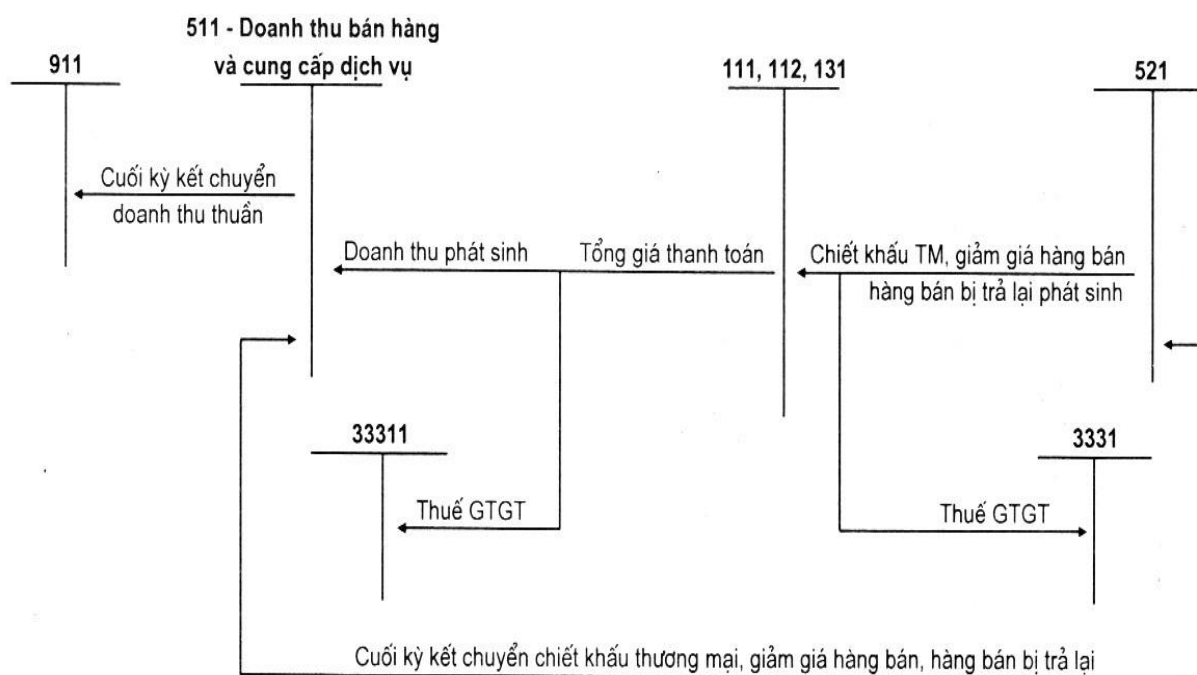
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kì kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

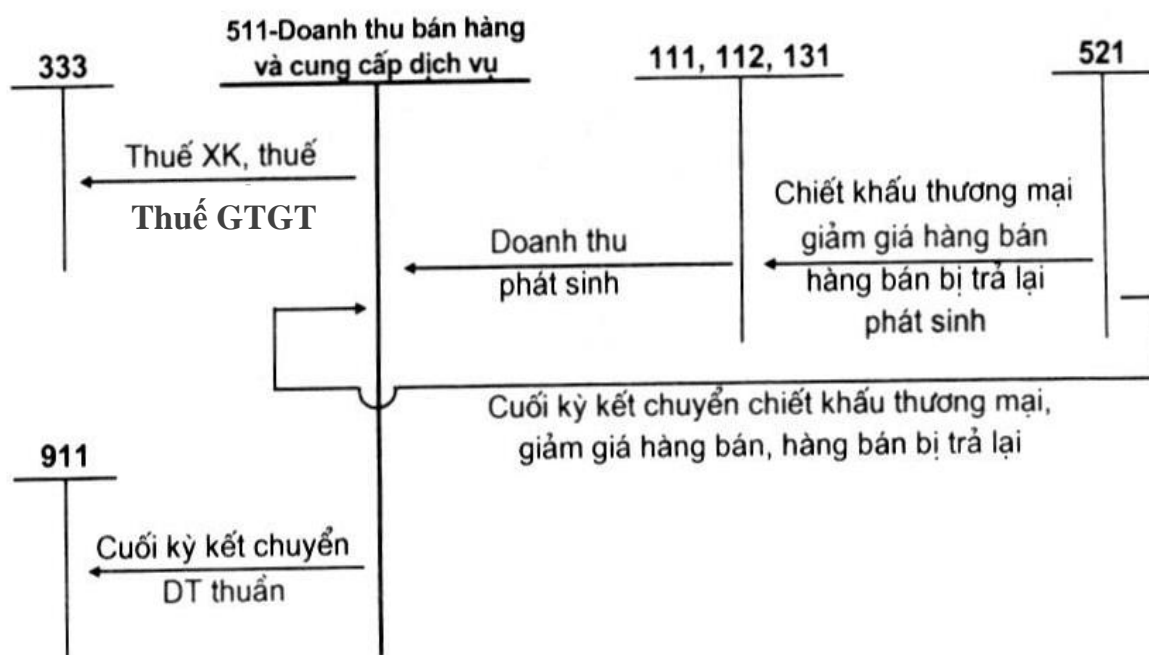
Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng
- 5112: Doanh thu bán sản phẩm
- 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- 5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư
- 5118: Doanh thu khác

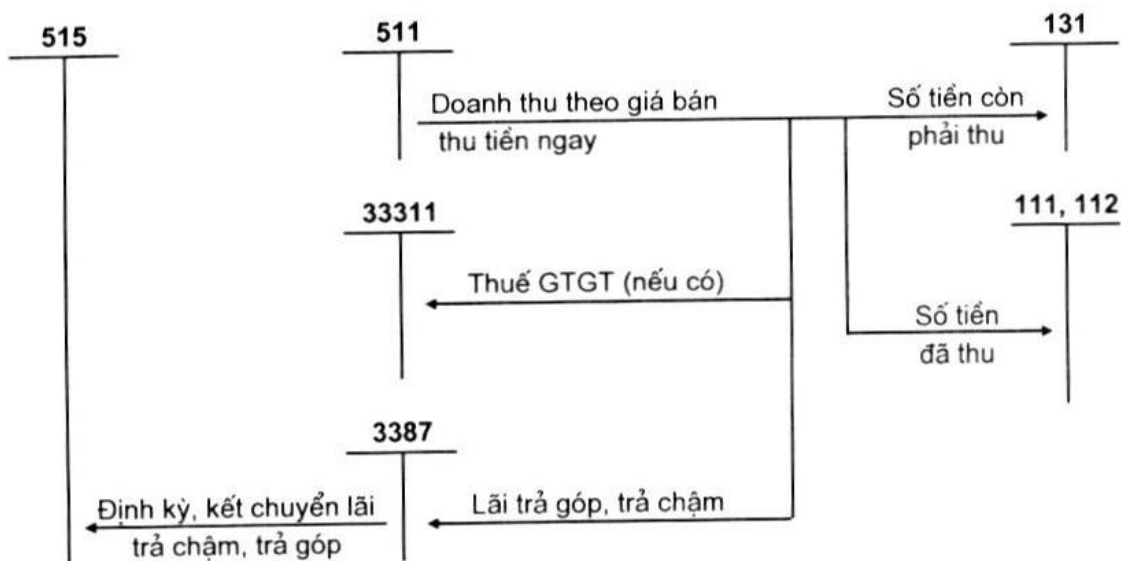
• Phương pháp hạch toán



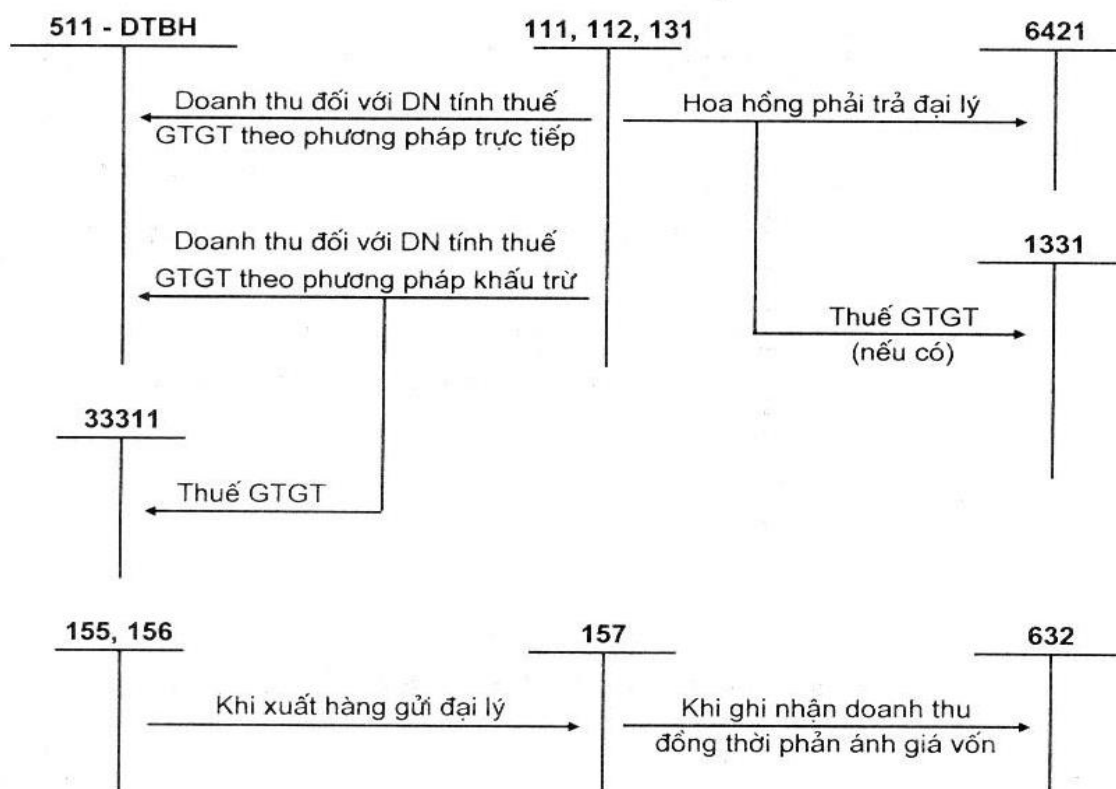
**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).**



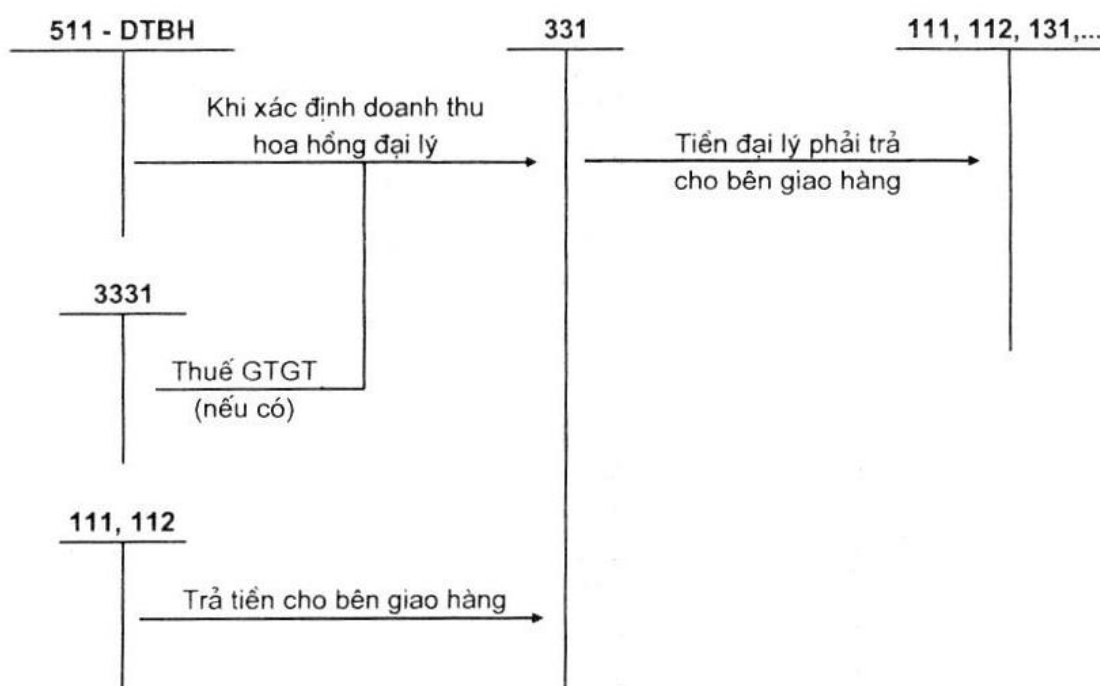
**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp.**



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý).**



**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên nhận đại lý).**

### 1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Chứng từ sử dụng
- ✓ Hoá đơn GTGT
- ✓ Phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng:

TK 521- Chiết khấu thương mại: dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua phát sinh trong kỳ

❖ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã thanh toán cho khách hàng
- Số giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán

❖ Bên Có:

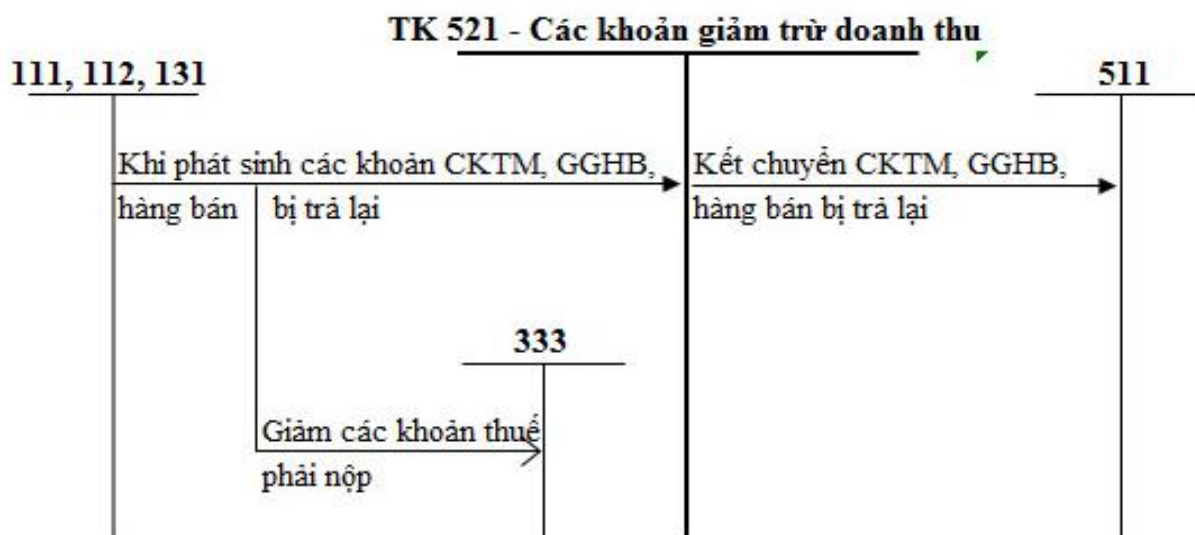
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh

thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo

Tài khoản 521 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- +Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ
  - +Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.
  - +Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.
- TK 3331 theo phương pháp trực tiếp
- Phương pháp hạch toán



*Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*

### 1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán

- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng bán xuất kho và đơn giá bình quân

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của} \\ \text{sản phẩm hàng hoá xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm hàng hoá} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{của cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{gia quyền sau mỗi} \\ \text{lần nhập i} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập i}}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hoá, vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hoá, vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này thì sản phẩm, hàng hoá, vật tư nào nhập trước thì sẽ được xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá, vật tư tồn kho cuối cùng nhập kho được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hoá, vật tư những lần nhập đầu tiên

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giá định khi xuất kho sản phẩm, hàng hoá, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hoá thuộc lô nào thì lấy hàng hoá của lô đó

- Phương pháp giá bán lẻ: Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi



nhANH chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỉ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ thấp giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng

- Chứng từ và tài khoản sử dụng

- ✓ Phiếu nhập kho
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Hoá đơn GTGT
- ✓ Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

- Tài khoản sử dụng:

- Phương pháp kê khai thường xuyên:

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: phản ánh trị giá vốn hàng hoá xuất kho bán trong kì

- ❖ Bên Nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kì

- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt lên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kì

- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra

- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành

- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:

- + Số khấu hao BĐS đầu tư dùng để cho thuê hoạt động trích trong kì

- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư

- + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kì

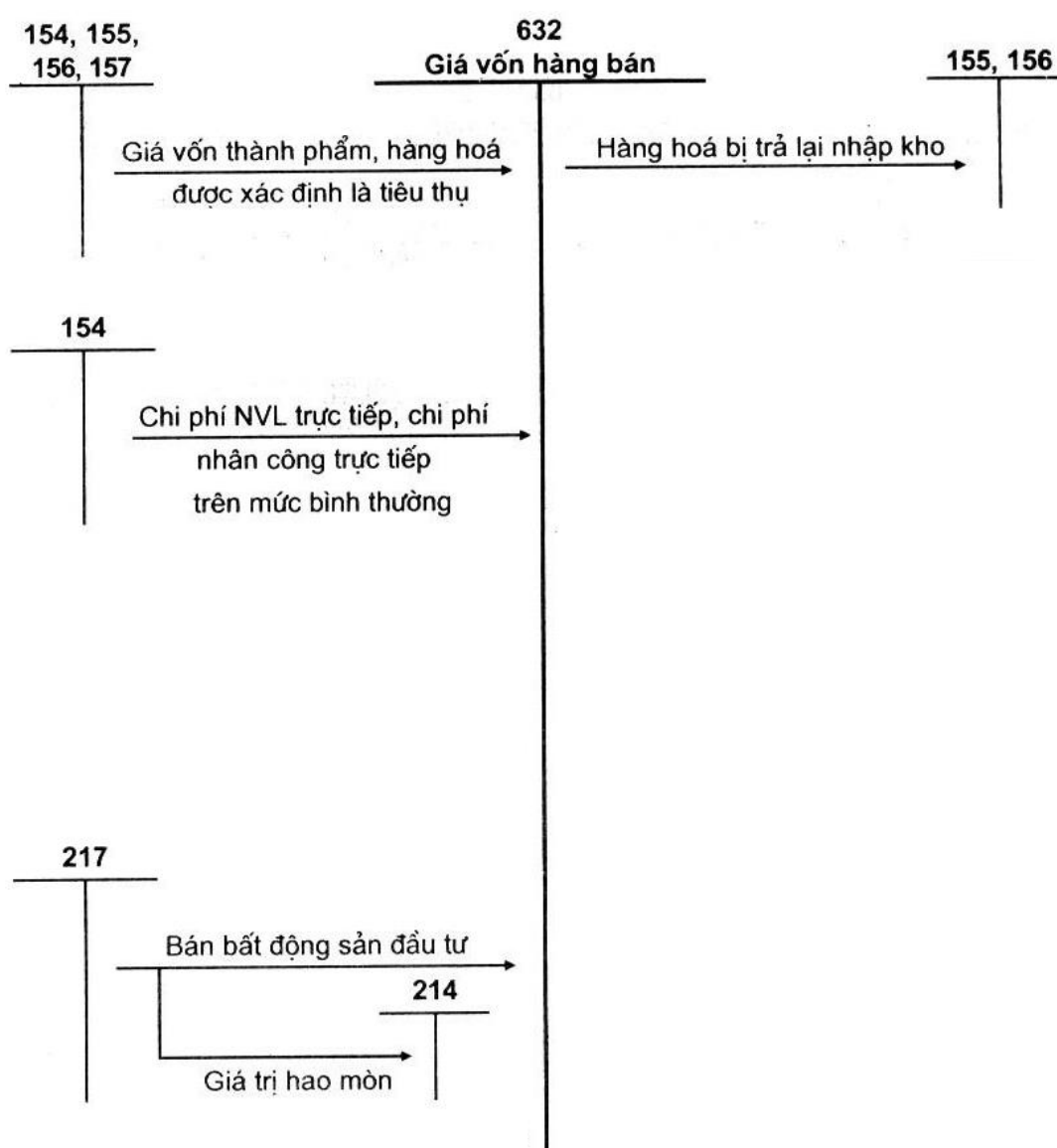
- + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kì
- + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kì
- + Chi phí trích trước đối với hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán
- ❖ Bên Có:
  - + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa hay dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.
  - + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
  - + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
  - + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
  - + Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữ số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).
  - + Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
  - + Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
    - Phương pháp kiểm kê định kì:
      - Đối với doanh nghiệp thương mại:
        - ❖ Bên Nợ:
          - + Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kì
          - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)
        - ❖ Bên Có:
          - + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
          - + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
          - + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh)
        - Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và dịch vụ:

❖ Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số lập dự phòng năm nay phải nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)
- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

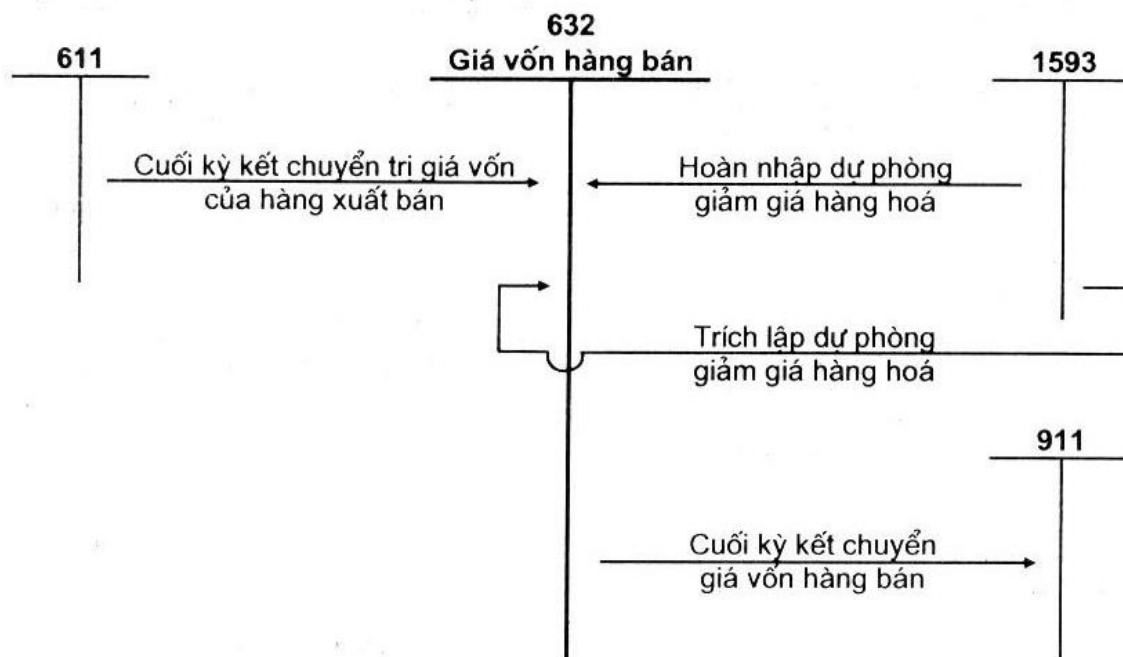
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp hạch toán
  - a) Phương pháp kê khai thường xuyên:



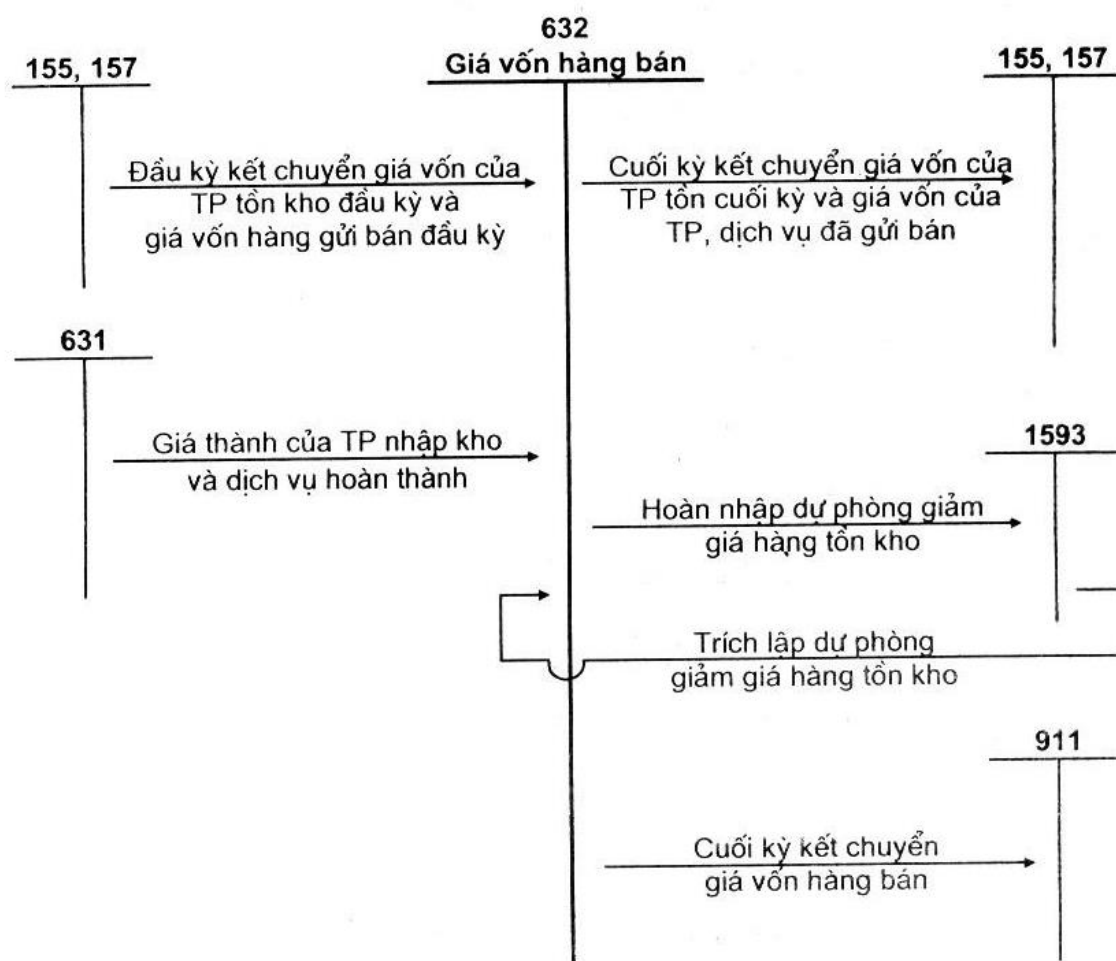
**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

- b) Phương pháp kiểm kê định kỳ  
 ➤ Đối với doanh nghiệp thương mại



**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại.**

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ



**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.**

#### 1.5.4 Kế toán chi phí kinh doanh

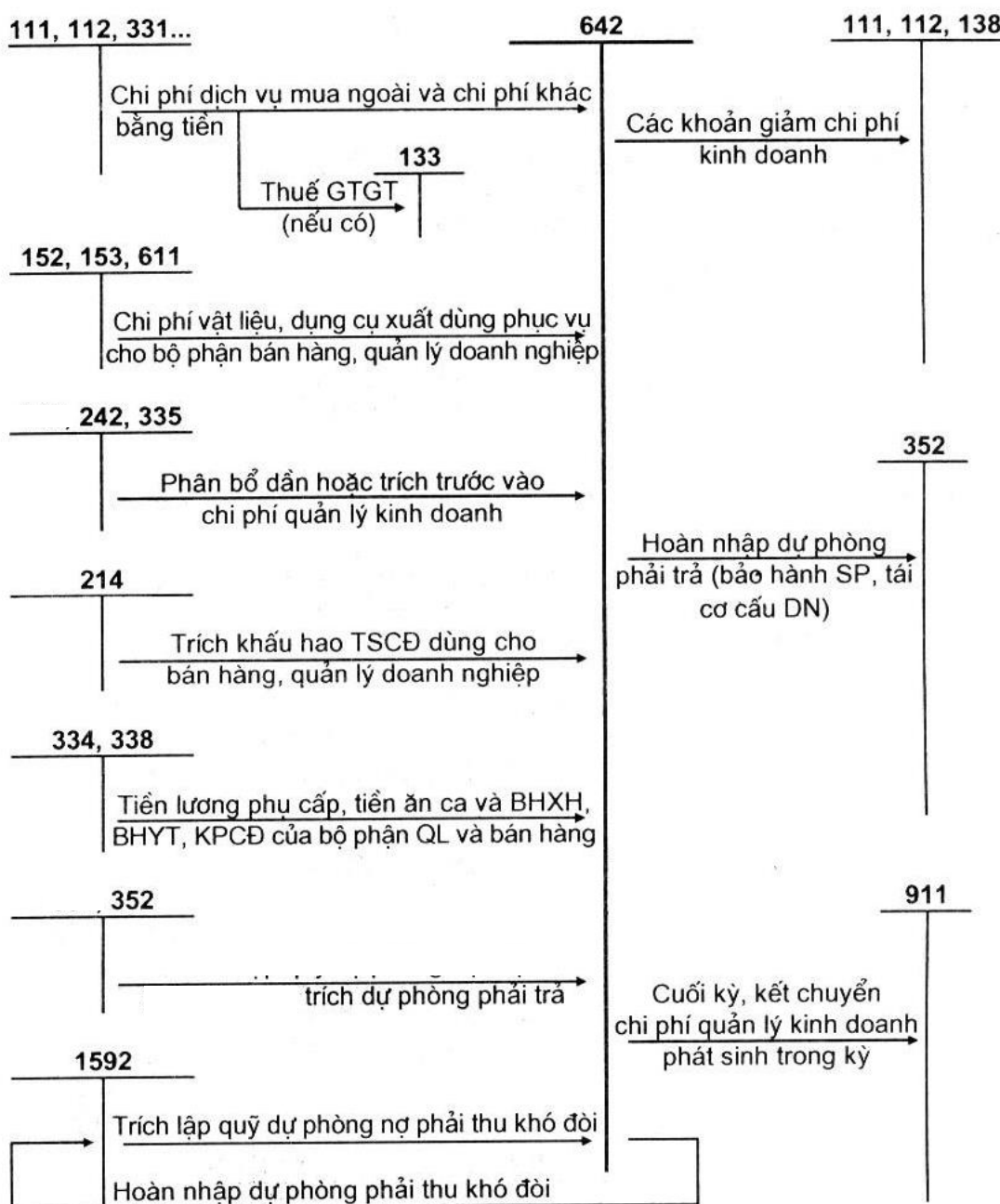
- Chứng từ sử dụng
- ✓ Hoá đơn GTGT
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ NVL, CCDC, bảng khấu hao TSCĐ
- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2

- TK 6421- Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
  - Kê cấu:
    - ❖ Bên Nợ:
      - + Các chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ
      - + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
    - ❖ Bên Có:
      - + Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh
      - + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
      - + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ
- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

### 1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

- Chứng từ sử dụng
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Giấy báo có của ngân hàng
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 “Doanh thu tài chính”: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Kết cấu:

❖ Bên Nợ:

- + Số GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang 911 để xác định kết quả kinh doanh

❖ Bên Có:

- + Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia
  - + lãi do các khoản nhượng bán vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh
  - + Chiết khấu thanh toán được hưởng
  - + Kết chuyển hoặc phân phối lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
- TK 511 không có số dư cuối kì

- Tài khoản 635 “Chi phí tài chính” : Dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu:

❖ Bên Nợ:

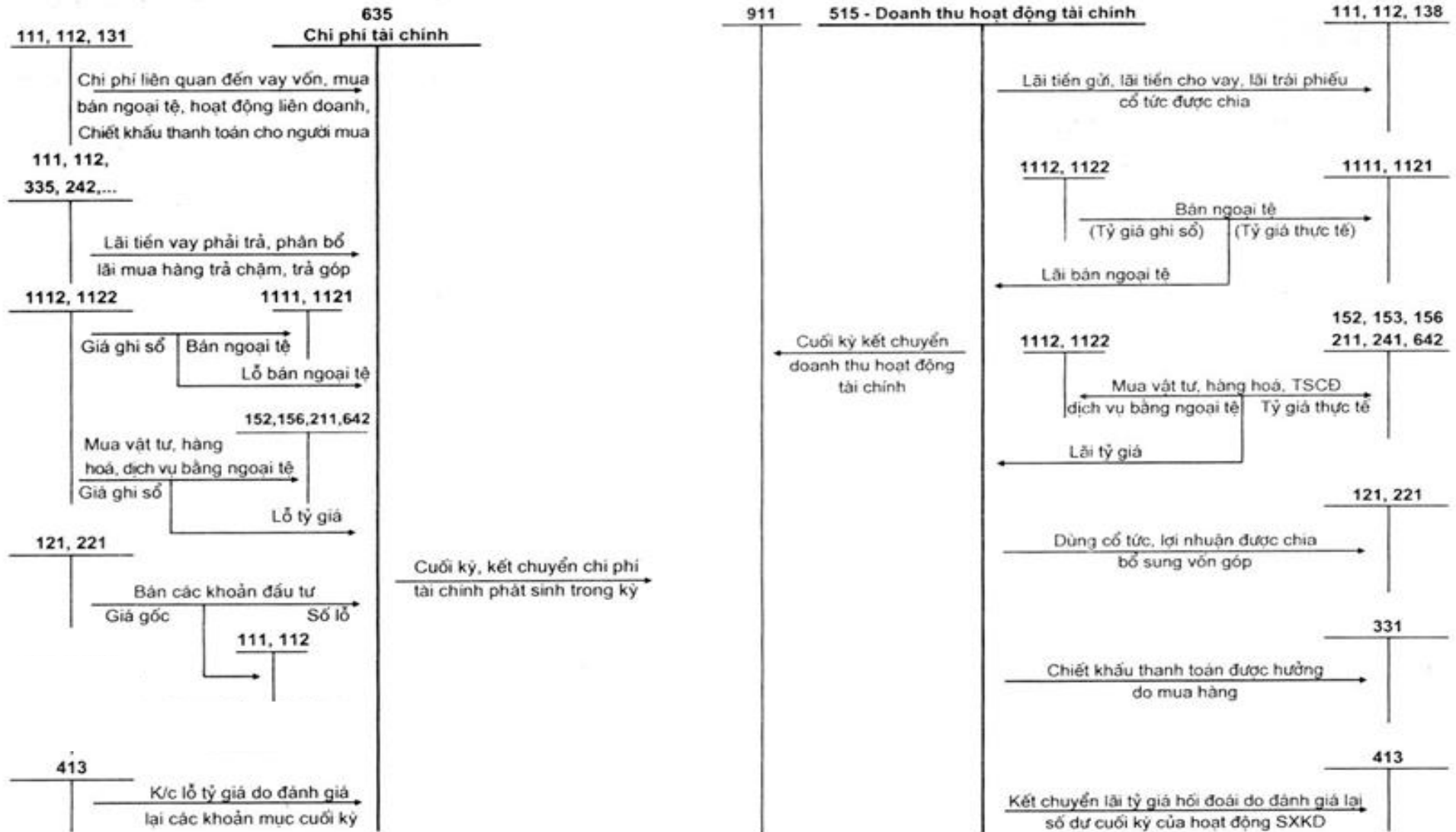
- + Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán

❖ Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
  - + Cuối kì kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kì vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh
- TK 635 không có số dư cuối kì

- Phương pháp hạch toán





Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán doanh thu và chi phí tài chính

### 1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

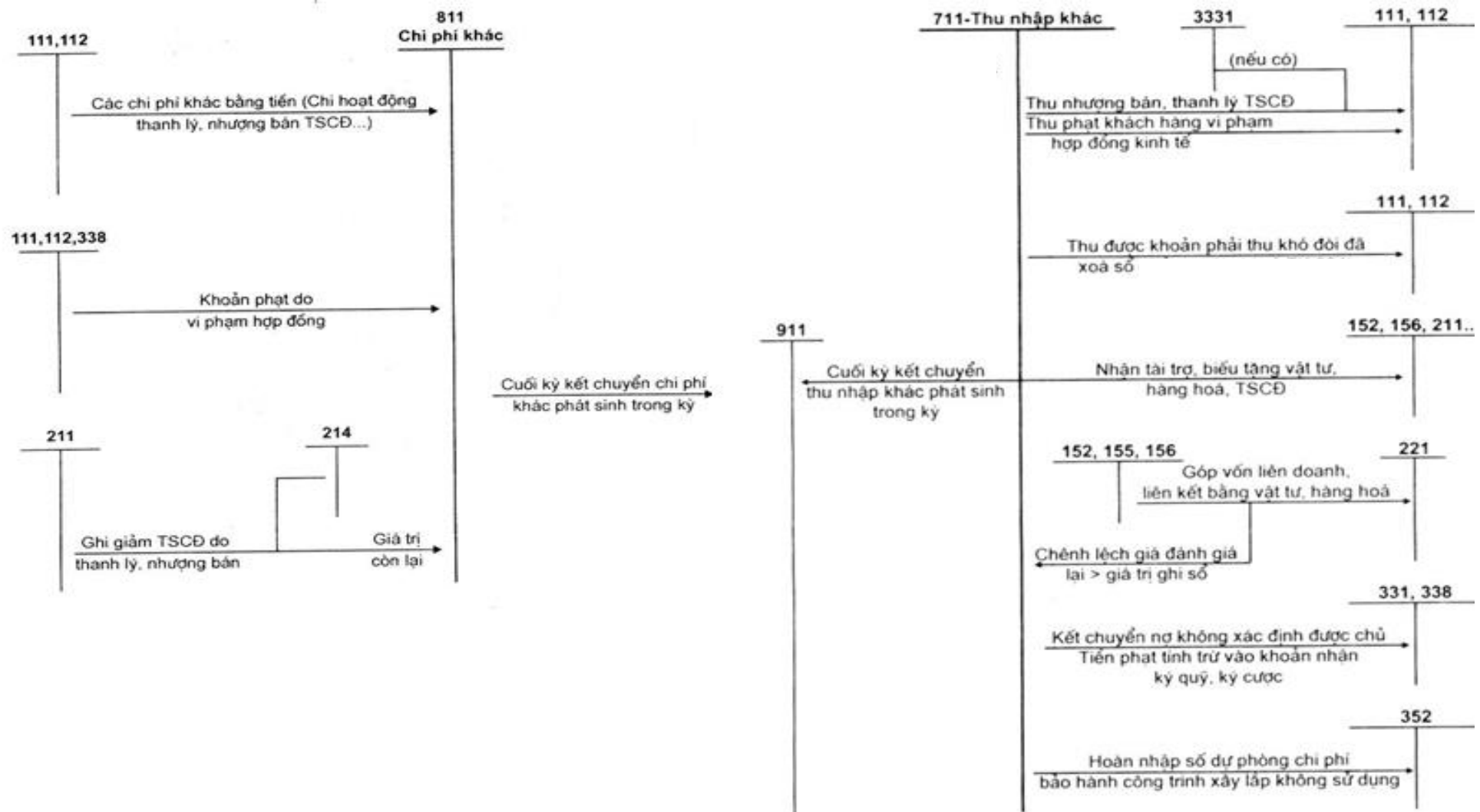
- Chứng từ sử dụng
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Giấy báo có của ngân hàng
- ✓ Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCD
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 “ Thu nhập khác” : Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

- Kết cấu
- ❖ Bên Nợ:
  - + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác
  - + Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh
- ❖ Bên Có:
  - + Các khoản thu nhập khác phát sinh
  - TK 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 “Chi phí khác” : Dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

- Kết cấu
- ❖ Bên Nợ:
  - + Các khoản chi phí khác phát sinh
- ❖ Bên Có:
  - + Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ
  - TK 811 không có số dư cuối kỳ
- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ kế toán chi phí khác và thu nhập khác

## 1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
- Tài khoản 911 dùng để phản ánh xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp gồm có: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Kết cấu:

❖ Bên Nợ:

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;  
+Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;

+Kết chuyển lãi.

❖ Bên Có:

Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

+Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

+Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kì

- Tài khoản 821 dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh hoạt động sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính

Kết cấu:

❖ Bên Nợ:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm:

+Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

❖ Bên Có:

- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;
- + Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

TK 821 “Chi phí thuế TNDN” không có số dư cuối kì

- TK 421 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” dùng để phản ánh kết quả kinh doanh, sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lí lãi lỗ

Kết cấu:

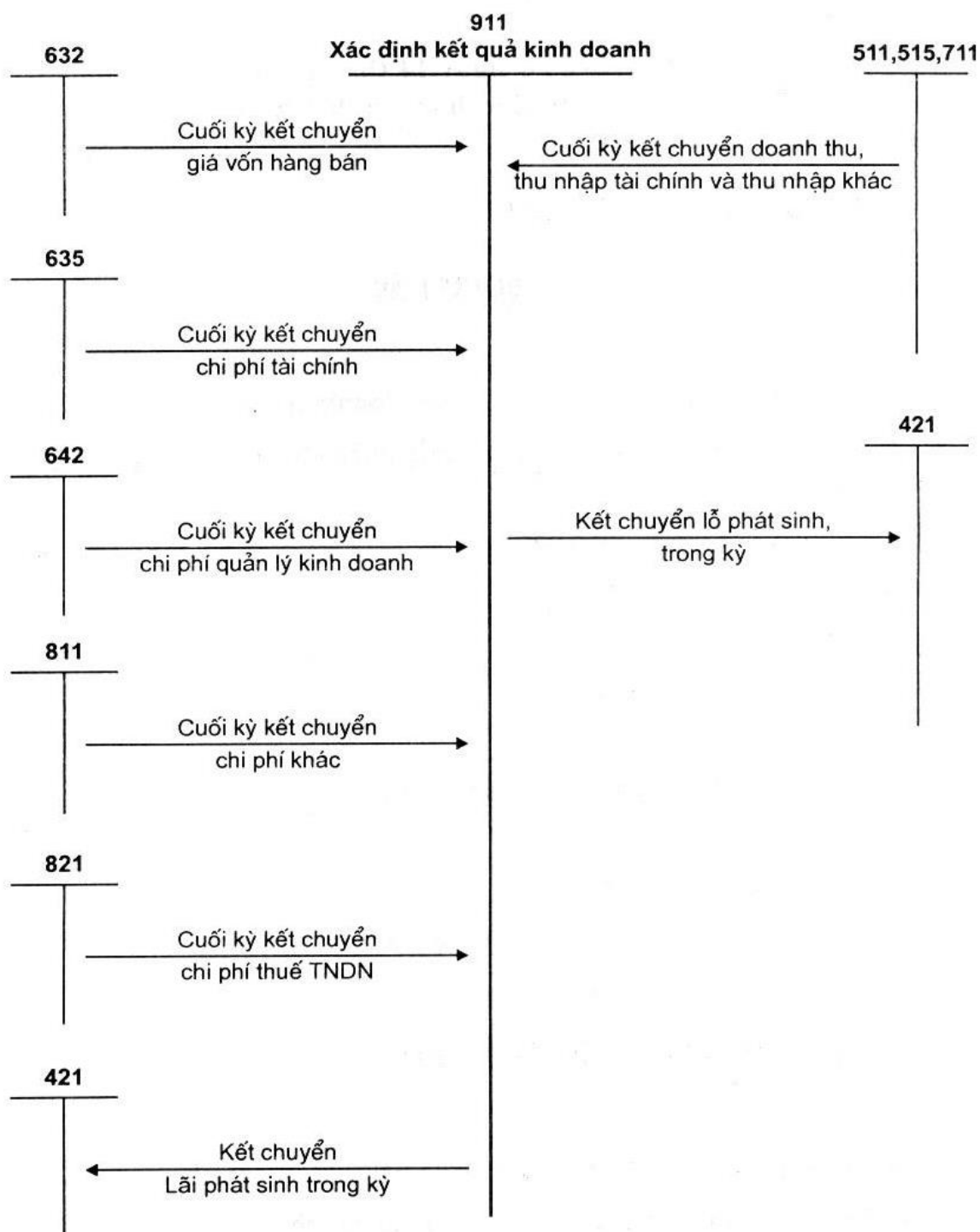
❖ Bên Nợ:

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
- + Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ Bên Có:

- + Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
  - + Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
  - + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.
- + Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
  - + Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

- Phương pháp hạch toán



*Sơ đồ 1.13: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp*

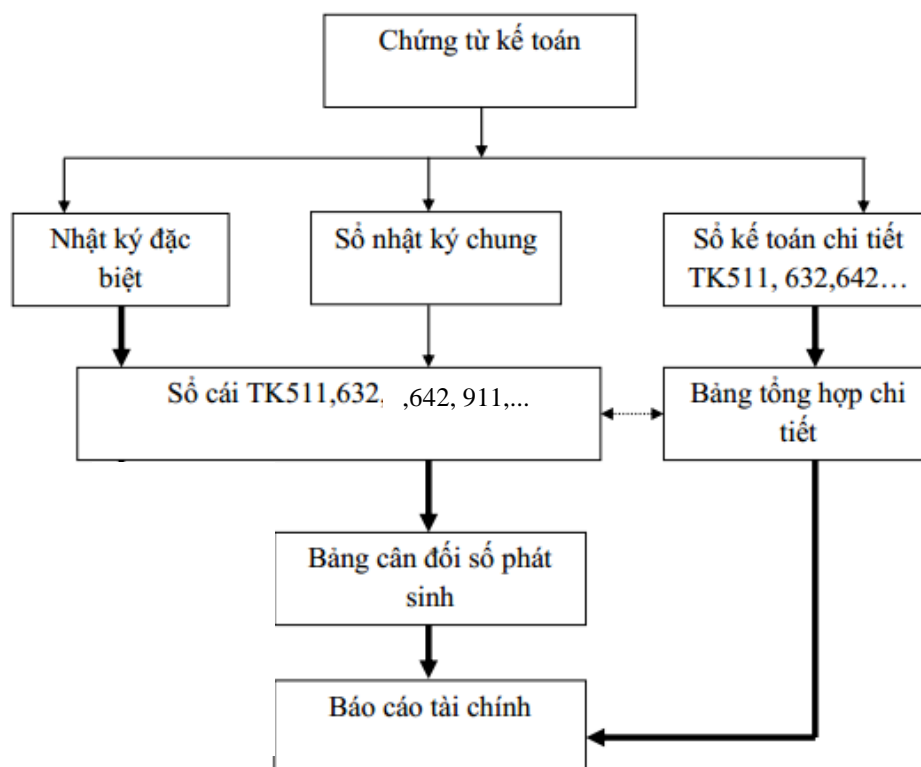
## 1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán ban hành tại QĐ 48/2006, Doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật kí - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

a) *Hình thức kế toán Nhật ký chung.*

- Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- Các loại sổ chủ yếu:
  - +Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
  - +Sổ cái;
  - +Các sổ kế toán chi tiết



Ghi chú:

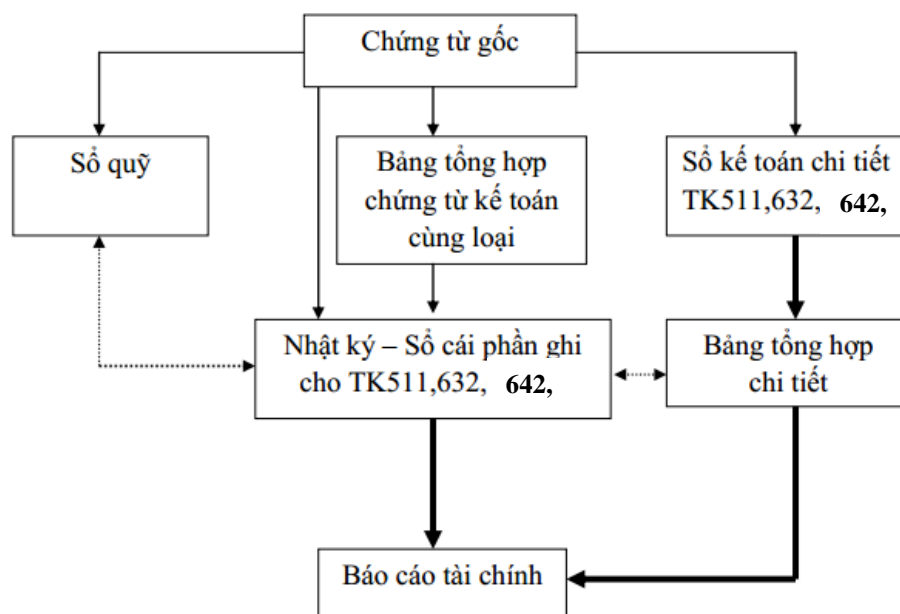
- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.**

b) Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

- Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Sổ nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- Các khoản sổ chủ yếu:
  - + Nhật ký – Sổ cái;
  - + Các sổ kế toán chi tiết.





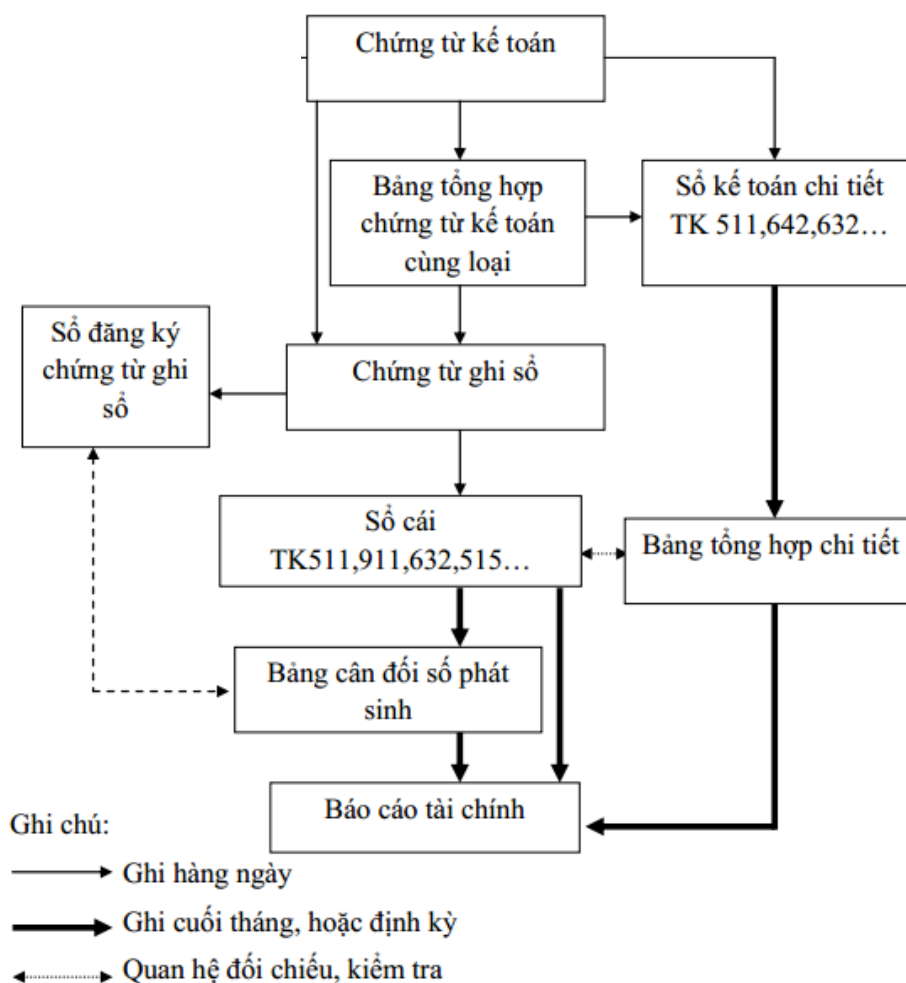
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.**

c) Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.
- Các loại sổ chủ yếu
  - + Chứng từ ghi sổ;
  - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
  - + Sổ cái;
  - + Các sổ kế toán chi tiết

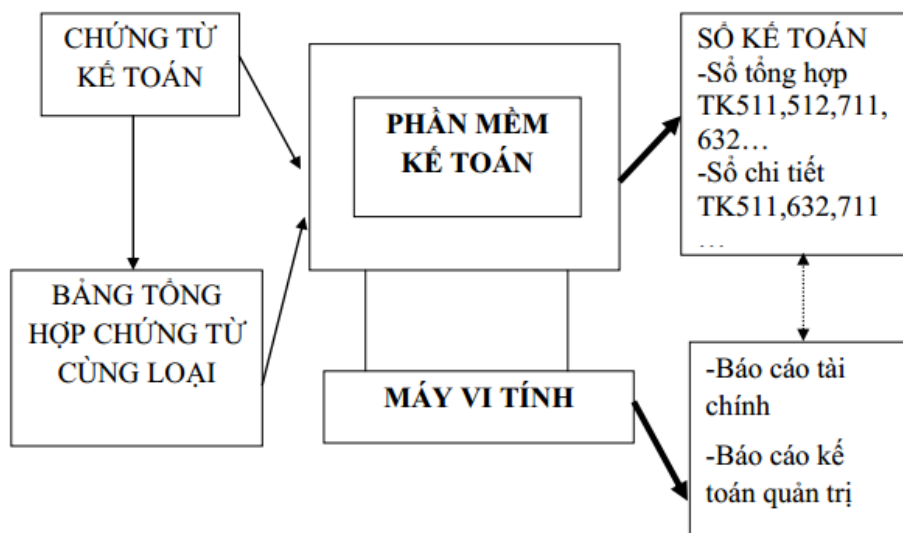


**Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.**

d) Hình thức kế toán máy.

- Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.
- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



**Ghi chú:**

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

*Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.*

## CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
VÀ DU LỊCH ANH ĐỨC**

**2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

**2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức được thành lập ngày 01 tháng 11 năm 2007 theo mã số kinh doanh của doanh nghiệp 0204000406 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng phê chuẩn.

Với 9 năm hoạt động của mình, công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức đã tạo cho mình một vị thế uy tín và vững chắc trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện trên thị trường quận Đồ Sơn nói riêng và của toàn thành phố nói chung. Những năm qua, do nhận thức tầm qua trọng cũng như tiềm năng của lĩnh vực ăn uống, du lịch, giải trí của người dân thành phố cảng... công ty đã không ngừng mở rộng và phát triển. Với những món ăn ngon, chất lượng đảm bảo, phục vụ chuyên nghiệp và nhiệt tình công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức đã thực sự tạo lên thương hiệu riêng trên thị trường.

Qua việc thực hiện các chính sách thích hợp kết quả kinh doanh của công ty đã không ngừng được cải thiện trong các năm qua. Điều này được thể hiện thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 2 năm 2014 và 2015 với các chỉ tiêu tổng doanh thu, tổng doanh thu thuần, tổng GVHB, tổng lợi nhuận gộp, tổng lợi nhuận trước thuế.....

**Biểu 2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần đây tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

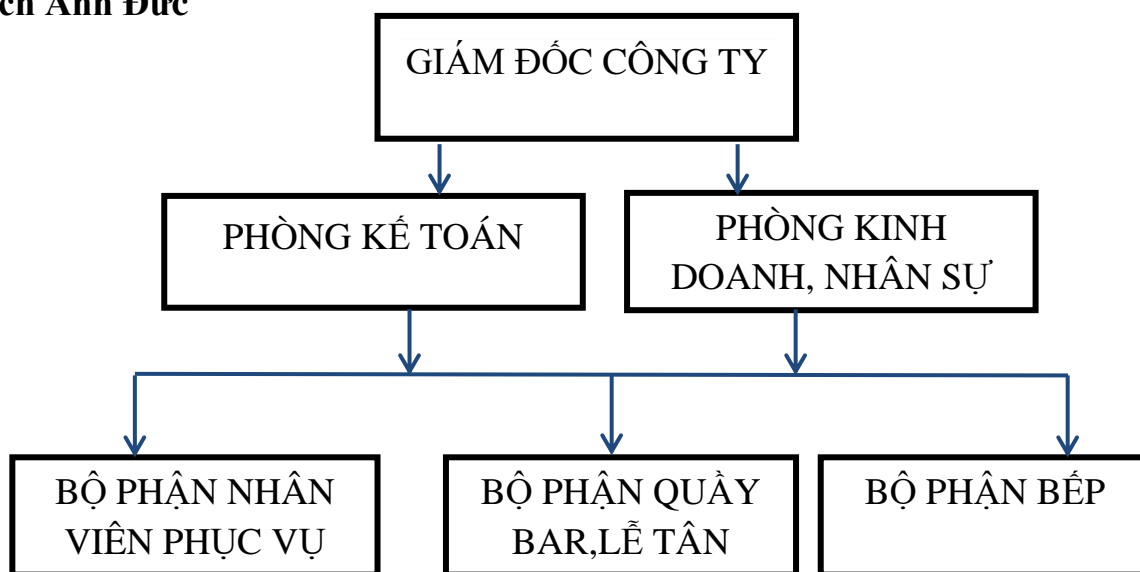
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng doanh thu	2.074.121.093	3.073.682.710
2. Tổng doanh thu thuần	2.074.121.093	3.073.682.710
3. Tổng GVHB	1.523.922.371	2.413.560.929
4. Tổng lợi nhuận gộp	550.198.722	660.121.781
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	52.736.253	76.026.332

- ✓ Tên giao dịch: Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức
- ✓ Loại hình: công ty TNHH
- ✓ Ngày hoạt động: 01/11/2007 theo giấy phép đầu tư số 01/GP – HP của uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng
- ✓ Trụ sở công ty: Đường Vạn Hoa khu 2, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn – thành phố Hải Phòng
- ✓ Điện thoại: 01313.591.464
- ✓ MST: 0200764732
- ✓ Vốn điều lệ: 1.000.000.000
- ✓ Người đại diện: Giám đốc Đinh Thị Châm
- ✓ Ngành nghề kinh doanh: Nhà hàng và Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

### 2.1.2 Đối tượng và kì hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức theo lĩnh vực hoạt động
- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức được hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Anh Đức theo năm

### 2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

❖ Giám đốc công ty:

là người đứng đầu toàn công ty và là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động kinh doanh thông qua bộ máy lãnh đạo công ty. Ngoài ra, Giám đốc còn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động trong và ngoài của công ty.

❖ Phòng kinh doanh, nhân sự:

Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, chỉ kinh doanh, theo dõi tiến độ kinh doanh, tìm nguyên nhân và đề xuất biện pháp điều chỉnh khắc phục, phòng ngừa kịp thời.

Tham mưu cho giám đốc về điều hành nội bộ, về hoạch định, thiết lập, phổ biến, triển khai chính sách, mục tiêu của công ty

Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả, đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định tình hình công nợ theo các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Chịu trách nhiệm lập kế hoạch kinh doanh, triển khai nhiệm vụ cho các bộ phận, lên kế hoạch cho phương hướng trong kỳ kinh doanh tiếp theo. Nắm bắt và tổng hợp tình hình kinh doanh của công ty.

Xây dựng và áp dụng các chế độ quy định nội bộ về quản lý sử dụng lao động, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty trong việc thực hiện các chính sách đối với người lao động.

Thực hiện công tác thi đua khen thưởng kỷ luật trong doanh nghiệp

❖ Phòng kế toán:

Quản lý công tác hành chính văn thư, bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy...

Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật

Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính - kế toán hiện hành

Lập, trình kí, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính - kế toán hiện hành

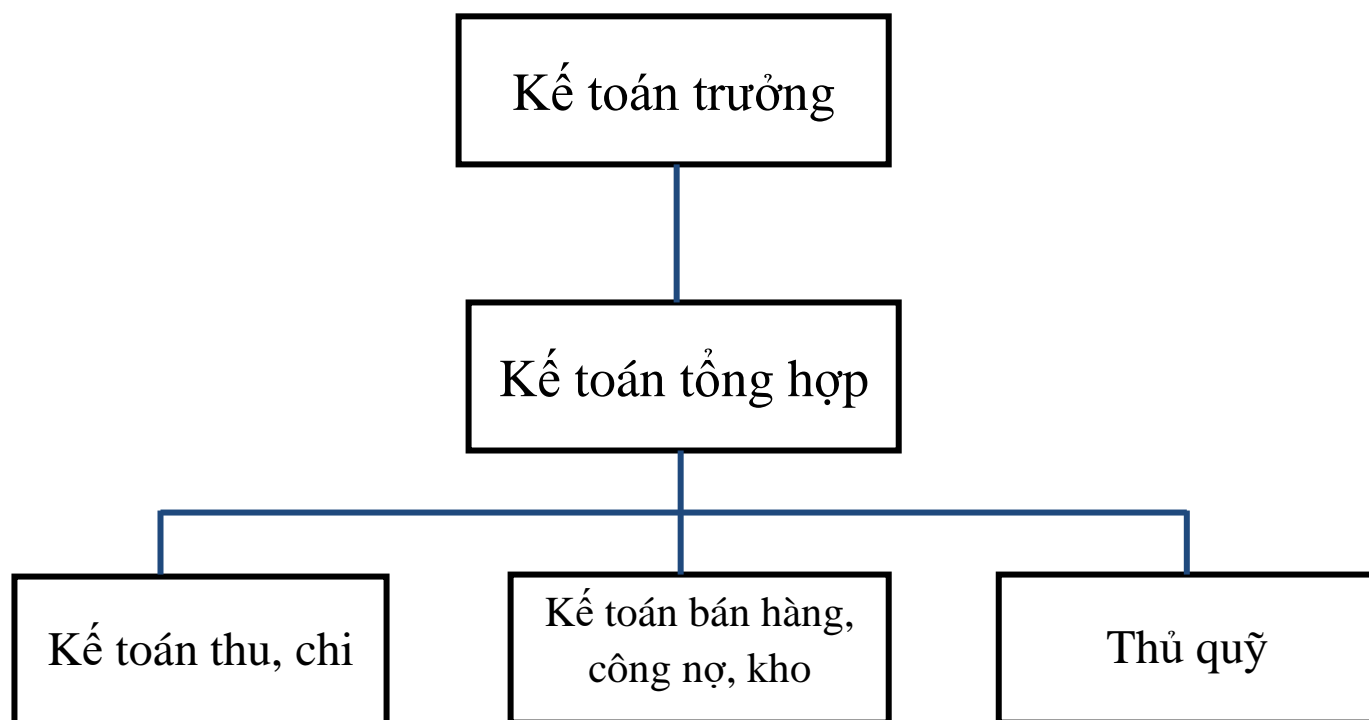
Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính, đề xuất lên giám đốc các phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh trong công ty.

Thanh toán tiền lương cho cán bộ, nhân viên.

#### 2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

a) Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty



#### Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Kế toán trưởng:

Người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty, có trách nhiệm đơn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc

- Kế toán tổng hợp:

Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

+ Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp

+ Kiểm tra số dư cuối kỳ có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không.

+ Hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, tài sản cố định, công nợ, thuế GTGT, báo cáo thuế,...

+ Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm

+ Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

- Kế toán thu, chi:

+ Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt

+ Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty

+ Theo dõi việc thanh toán của khách hàng

- Kế toán bán hàng, công nợ, kho

Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với các khách hàng

+ Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng

+ Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ

+ Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt

+ Theo dõi vật tư nguyên liệu nhập xuất trong kho

- Thủ quỹ:

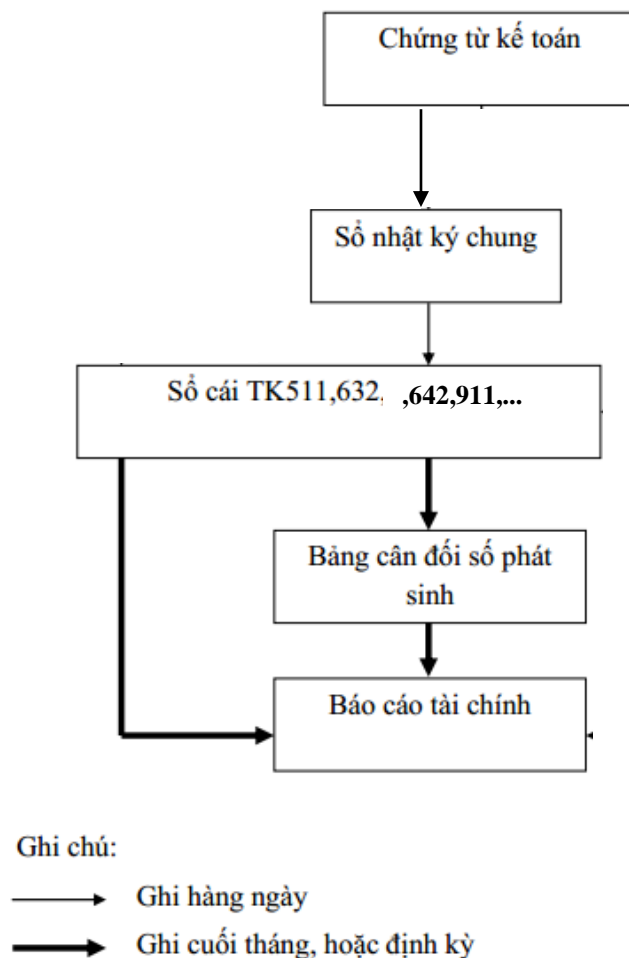
Trực tiếp thu chi tiền, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng

b) Hình thức kế toán, chính sách kế toán và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 48/2006 QĐ-BTC do bộ tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán: Công ty vận dụng theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ
- Khấu hao tài sản cố định: phương pháp đường thẳng
- Hình thức kế toán Nhật ký chung.





**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

## **2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

### **2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

#### **2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

\* Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

\* Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật kí chung

- Sổ cái TK 511

\* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Nội dung hạch toán

**Ví dụ 1:** Ngày 15/12/2015, phản ánh doanh thu 42 xuất ăn uống cho đoàn khách của công ty Hoàng Anh giá bán 280.000đ/xuất, chưa có VAT 10% theo hoá đơn GTGT số 0001701 (biểu 2.2), thu bằng tiền mặt theo phiếu thu số 97/12 (biểu 2.3)

**Biểu số 2.2: Hoá đơn GTGT 0001701**

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 3: nội bộ)

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Mẫu số:01GTKT3/001

Kí hiệu: AA/15P

Số: **0001701**

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

Mã số thuế: 0200764732

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa khu 2, Phường Vạn Hương, Q. Đồ Sơn -Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.591.463

Số tài khoản: 012 0084 728 786 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Định

Tên đơn vị: Công ty Hoàng Anh

Địa chỉ: Số 5 Lý Tự Trọng, phường Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM      Số TK:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dịch vụ ăn uống		42	280.000	11.760.000
Cộng tiền hàng					11.760.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.176.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					12.936.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./

**Người mua hàng**

(Kí, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Kí, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu số 2.3: Phiếu thu**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Dịch vụ và Du Lịch  
Anh Đức

**Mẫu số 01-TT**

**Bộ phận:** .....

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Quyển số:

Số:97/12

**PHIẾU THU**

*Ngày 15 tháng 12 năm 2015*

Nợ: 1111

Có: 5111

Có:3331

Họ và tên người nộp tiền: Ông Phạm Văn Định

Địa chỉ: **CÔNG TY Hoàng Anh**

Lý do nộp: Thanh toán hóa đơn dịch vụ ăn uống

Số tiền: **12.936.000**

Viết bằng chữ): Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: Chứng từ gốc.

*Ngày 15 tháng 12 năm 2015.*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Người lập</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>phiếu</b> (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)*

**Ví dụ 2:** Ngày 20/12/2015, phản ánh doanh thu 25 xuất ăn uống của công ty TNHH Tân Mai, giá bán chưa có VAT 10% là 350.000đ/xuất, theo HĐGTGT số 0001711 (Biểu 2.4), thu bằng tiền mặt theo phiếu thu số 115/11 (Biểu 2.5)

**Biểu số 2.4: Hoá đơn GTGT 0001711**

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 3: nội bộ )

Ngày 20 tháng 12 năm 2015

Mẫu số:01GTKT3/001

Kí hiệu: AA/15P

Số: **0001701**

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

Mã số thuế: 0200764732

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa khu 2, Phường Vạn Hương, Q. Đồ Sơn -Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.591.463

Số tài khoản: 012 0084 728 786 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Trần Quỳnh Nguyên

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tân Mai

Địa chỉ: Số 406 Hoàng Quốc Việt, Bắc Sơn – Thủy Nguyên - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM      Số TK:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dịch vụ ăn uống		25	350.000	8.750.000
Cộng tiền hàng					8.750.000
Thuế suất GTGT: 10%      Tiền thuế GTGT					875.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.625.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./

**Người mua hàng**

(Kí, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Kí, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu số 2.5: Phiếu thu**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Dịch vụ và Du Lịch  
Anh Đức

**Mẫu số 01-TT**

**Bộ phận:** .....

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Quyển số:

Số: 115/12

**PHIẾU THU**

*Ngày 20 tháng 12 năm 2015*

Nợ: 1111

Có: 5111

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền: Bà Trần Quỳnh Nguyên

Địa chỉ: **CÔNG TY TNHH Tân Mai**

Lý do nộp: Thanh toán hóa đơn dịch vụ ăn uống (tiếp khách )

Số tiền: **9.625.000**

Viết bằng chữ): Chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: 1 Chứng từ gốc.

*Ngày 20 tháng 12 năm 2015.*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người nộp</b>	<b>Người lập</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng	<b>trưởng</b>	<b>tiền</b>	<b>phiếu</b>	(Ký, họ tên)
dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)*

**Ví dụ 3:** Căn cứ bảng kê bán lẻ xuất ăn uống trong ngày 21/12 (Biểu 2.6), kê toán viết hoá đơn GTGT số 0001715 (Biểu 2.7) và phiếu thu số 121/12 đã thu tiền nhập quỹ (Biểu 2.8)

**Biểu 2.6: Trích bảng kê khách lẻ**

**Trích bảng kê khách lẻ ngày 21/12**

STT	Nội dung	Số tiền (cả VAT 10%)
1	Khách ăn bàn số 1	700.000
2.	Khách ăn bàn số 2	1.600.000
3.	Khách ăn bàn số 3	300.000
4.	Khách ăn bàn số 4	500.000
	.....	
	Cộng khách lẻ cuối ngày	28.820.000

Ngày 21/12/2015

Người lập

Nguyễn Thị Huệ

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)*



**Biểu số 2.7: Hoá đơn GTGT 0001711**

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/001

(Liên 3: nội bộ )

Kí hiệu: AA/15P

Số: **0001715**

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

Mã số thuế: 0200764732

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa khu 2, Phường Vạn Hương, Q. Đồ Sơn -Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.591.463

Số tài khoản: 012 0084 728 786 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Khách lẻ

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: TM      Số TK:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	khách lẻ có bảng kê đính kèm				26.200.000
Cộng tiền hàng					26.200.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			2.620.000
Tổng cộng tiền thanh toán					28.820.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./

**Người mua hàng**

**Người bán hàng**

**Thủ trưởng đơn vị**

(Kí, ghi rõ họ tên)

(Kí, ghi rõ họ tên)

(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu số 2.8: Phiếu thu**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Dịch vụ và Du Lịch  
Anh Đức

**Mẫu số 01-TT**

**Bộ phận:** .....

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Quyển số:

Số: 121/12

**PHIẾU THU**

*Ngày 21 tháng 12 năm 2015*

Nợ: 1111

Có: 5111

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ: Bộ phận thu ngân

Lý do nộp: Tiền thu Khách lẻ

Số tiền: **28.820.000 đồng**

Viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn./

Kèm theo: Chứng từ gốc.

*Ngày 21 tháng 12 năm 2015.*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
-----------------	---------------------------	---------------------------	----------------------------	----------------

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)*

Căn cứ vào HĐ GTGT 0001701 (Biểu 2.2), HĐ GTGT 0001711 (Biểu 2.4), HĐ GTGT 0001745 (Biểu 2.7)... Kế toán ghi nhận bút toán vào Nhật ký chung (Biểu 2.9)

**Biểu 2.9 : Nhật kí chung**

Mẫu S03-DNN

Công Ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn - Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm:2015

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
15/12/15	HĐ 0001701, PT97	15/12/15	Dịch vụ ăn uống	111	12.936.000	
				511		11.760.000
				3331		1.176.000
...	...	...	...	...	...	...
20/12/15	HĐ 0001711, PT115	20/12/15	Dịch vụ ăn uống	111	9.625.000	
				511		8.750.000
				3331		875.000
			.....			
21/12/15	HĐ 0001715, PT121	21/12/15	Dịch vụ ăn uống	111	28.820.000	
				511		26.200.000
				3331		2.620.000
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh năm</b>		<b>16.239.263.823</b>	<b>16.239.263.823</b>

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

Căn cứ vào Nhật ký chung (biểu 2.9), kế toán ghi vào sổ cái TK 511 như biểu 2.10

**Biểu 2.10: Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-Hải Phòng

**TRÍCH SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ		-	-
			.....			
15/12/15	HĐ1701, PT 97	15/12/15	Phản ánh doanh thu dịch vụ ăn uống	111		11.760.000
			....			
20/12/15	HĐ1711, PT 115	20/12/15	Phản ánh doanh thu dịch vụ ăn uống	111		8.750.000
			.....			
21/12/15	HĐ 1715, PT 121	21/12/15	Phản ánh dịch vụ ăn uống	111		28.820.000
			.....			
			- Cộng số phát sinh		3.073.682.710	3.073.682.710
			- Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác

**\* Tài khoản sử dụng**

TK 632 – Giá vốn hàng bán

**\*Sổ sách sử dụng**

- Nhật kí chung
- Sổ cái TK 632

**\*Nội dung hoạch toán**

Ví dụ: Ngày 31/12/2015 căn cứ vào kết quả tập hợp chi phí dịch vụ ăn uống, kế toán lập phiếu kế toán số 30 như Biểu 2.11 kết chuyển giá vốn

**Biểu 2.11 Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 30

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	632	154	201.130.000
	<b>Cộng</b>			<b>201.130.000</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào Phiếu kế toán số 30 (Biểu 2.11) kế toán nhập sổ Nhật kí chung (Biểu 2.12)

**Biểu 2.12: Nhật kí chung**

Mẫu S03-DNN

Công Ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm:2015

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			....			
15/12/15	HĐ 0001701, PT 97	15/12/15	Dịch vụ ăn uống	111	12.936.000	
				511		11.760.000
				3331		1.176.000
			....			
20/12/2015	HĐ 0001711, PT 115	20/12/015	Dịch vụ ăn uống	111	9.625.000	
				511		8.750.000
				3331		875.000
...	...	..	..	...	..	..
30/11/2015	PKT 30	31/12/2015	Giá vốn hàng bán	632	201.130.000	
				154		201.130.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>16.239.263.823</b>	<b>16.239.263.823</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào Sổ nhật kí chung (Biểu số 2.12) kế toán ghi sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.13)

**Biểu 2.13 Sổ cái tài khoản 632**

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Mẫu số S03b – DN

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006 BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

NĂM 2015

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán – TK 632

Ngày 31/12/2015

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		-	-
			.....			
31/12/15	PKT30	31/12/15	Ghi nhận giá vốn tháng 12	154	201.130.000	
			...			
			Cộng số phát sinh năm		2.413.560.929	2.413.560.929
			Số dư cuối năm		-	-

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)



### **2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

#### **\* Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ...
- Bảng tính và bảng phân bổ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **\* Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh



#### **\* Sổ sách sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642

#### **\* Nội dung hạch toán**

Ví dụ 1: Ngày 28/12/2015 Kế toán thanh toán tiền điện thoại của văn phòng cho công ty Viễn thông số HĐGTGT 1002039 (Biểu 2.14)

**Biểu 2.14. Hoá đơn tiền điện thoại**

		<b>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b> Mẫu số:01GTKT2/001																	
<b>1001410</b>		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		<b>Ký hiệu</b> (Serial No):AA/15P															
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)			<b>Số</b> (No): 1002039																
Mã số thuế:		<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">9</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td> </tr> </table>		0	2	0	0	2	8	7	9	7	7						
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7										
Viễn thông Hải Phòng 03036537042015																			
Địa chỉ:1 Đại Lộ Hồ Chí Minh - Thành Phố Hải Phòng - Hải Phòng																			
Tên khách hàng(Customer's name):Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức																			
Địa chỉ(Address): Đường Vạn Hoa khu 2, phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn – Thành phố Hải Phòng																			
Số điện thoại(Tel):0313.591.464		Mã số (code): HPG-03-036537(T5DHA3)																	
Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM		MST: <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">9</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">6</td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td> </tr> </table>				0	8	0	0	8	1	9	0	0	6				
0	8	0	0	8	1	9	0	0	6										
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG(QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN(AMOUNT) VND														
1	2	3	4	5	6=4x5														
	Kỳ cước tháng:11/2015 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				<b>1.664.250</b> <b>0</b> <b>0</b> <b>0</b>														
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):					<b>1.664.250</b>														
Thuế suất GTGT (VAT rate):10%x(1)=			Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):		<b>166.425</b>														
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):					<b>1.830.675</b>														
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu , tám trăm ba mươi nghìn , sáu trăm bảy mươi năm đồng.																			
Người nộp tiền ký(Signature of payer)			Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing staff)																

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT (tiền điện thoại) số 1002039 (Biểu 2.14 ) kế toán lập phiếu chi số (Biểu 2.15) để thanh toán tiền cho đơn vị

**Biểu 2.15: Phiếu chi**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch  
Anh Đức

**Mẫu số 02-TT**

**Bộ phận:** .....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 28 tháng 12 năm 2015*

Quyển số:

Số: 102

Nợ: TK 642,133

Có: TK 1111

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Hoà

Địa chỉ: Công ty Viễn thông VNPT Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại văn phòng.

Số tiền: **1.830.675**

(Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi lăm./

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên,	<b>trưởng</b>	<b>phiếu</b>	<b>tiền</b>	(Ký, họ tên
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2015 Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức trích khấu hao TSCĐ tháng 12

**Biểu 2.16 Khấu hao TSCĐ**

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn- Hải Phòng

**KHẤU HAO TSCĐ**

**THÁNG 12**

Ngày 31/12/2015

STT	Chỉ tiêu	Thời hạn sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK 642	TK 154
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích năm trước trước	10	4.550.300.000	37.919.426	37.919.426	25.107.900
2	Số khấu hao tăng năm này		-	-		
3	Số khấu hao giảm năm này		-	-		
4	Tổng số khấu hao năm này	10	4.550.300.000	37.919.426	37.919.426	25.107.900

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số (Biểu 2.14), Phiếu chi số (Biểu 2.15), bảng khấu hao TSCĐ (Biểu 2.16) kế toán ghi Nhật kí chung (Biểu 2.17)

**Biểu 2.17 Nhật kí chung**

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Mẫu số S03a – DN

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006 BTC)

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

**Năm:2015**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
28/12/15	HĐ100203 9, PC 102	28/12/15	Thanh toán tiền điện thoại	642	1.664.250	
				1331	166.425	
				111		1.830.675
...	...	...	...	...	...	...
28/12/15	BPB KH 12	28/12/15	Trích KH TSCĐ	642	37.919.426	
				154	25.107.900	
				214		63.027.326
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b><u>16.239.263.823</u></b>	<b><u>16.239.263.823</u></b>

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

Căn cứ vào Nhật kí chung (Biểu 2.17) kế toán ghi sổ cái tài khoản 642 (biểu 2.18)

**Biểu 2.18: Sổ cái tài khoản 642**

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Mẫu số S03a – DN

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ  
Sơn- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006 BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

NĂM 2015

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh – TK 642

Ngày 31/12/2015

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			.....			
31/12/15	HĐGTGT 1002039	31/12/15	Thanh toán hoá đơn tiền điện thoại	111	1.830.675	
			...			
			.....			
31/12/15	BPB KH 12	31/12/15	Khấu hao TSCĐ	214	63.027.326	
			....			
			Cộng số phát sinh năm		584.236.254	584.236.254
			Số dư cuối năm		-	-

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

### **2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

- Chứng từ sử dụng:
    - Giấy báo có, giấy báo nợ
    - Phiếu chi
    - Các chứng từ khác có liên quan
  - Sổ sách sử dụng:
    - Sổ nhật kí chung
    - Sổ cái TK 515,635
- + Tài khoản sử dụng:
- TK 515: Doanh thu tài chính
  - TK 635: Chi phí tài chính

Ví dụ minh hoạ

VD1: Ngày 31/12/2015, công ty nhận thông báo lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12 tại ngân hàng Công thương Việt Nam là 11.733 đồng.

**Biểu số 2.19: Giấy báo lãi**



Ngân hàng Công thương Việt Nam

**GIẤY BÁO LÃI**

Số 1074

( Từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015)

Kính gửi: Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Chúng tôi đã tính tiền lãi đến cuối ngày 31/12/2015

Tài khoản số: 0120084728786 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất (% năm) . Số tiền lãi: 11.733 VND

Ngân hàng Công thương Việt Nam

Kính báo

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)*



**Biểu 2.20: Nhật kí chung**

**Mẫu S03-DNN**

Công Ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

**Năm:2015**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
31/12/15	GBL 1074	31/12/15	Lãi tiền gửi ngân hàng	112	11.733	
				515		11.733
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>16.618.741.735</b>	<b>16.618.741.735</b>

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào nhật kí chung như biểu 2.20 , kế toán ghi vào sổ cái TK 515 như biểu 2.21

**Biểu 2.21 Trích sổ cái**

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Mẫu số: S03b-DNN

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

**NĂM 2015**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính – TK515

Ngày 31/12/2015

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			.....			
31/12	GBL 1074	31/12	Ngân hàng đầu tư trả lãi tiền gửi	112		11.733
			...			
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang kết quả SXKD	911	140.805	
			.....			
			Cộng số phát sinh năm		140.805	140.805
			Số dư cuối năm		-	-

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

### 2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Trong năm 2015, Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK 711 và 811

### 2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511, TK 515, kế toán xác định số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 40 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập như biểu 2.24.

#### **Biểu 2.22: Phiếu kế toán**

#### **PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 40

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	3.073.682.710
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	140.805
	<b>Cộng</b>			<b>3.073.823.515</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 632,642 kế toán tiền hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số phản ánh việc kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh như biểu 2.23

**Biểu 2.23 Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 41

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	2.413.560.929
2	K/c Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	584.236.254
	<b>Cộng</b>			<b>2.997.797.183</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào PKT số 40 (biểu 2.22), PKT số 41 (biểu 2.23), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.24)

**Biểu 2.24: Nhật kí chung**

**Mẫu S03-DNN**

Công Ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Đường Vạn Hoa, khu 2, P.Vạn Hương, Đồ Sơn - Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

**Năm:2015**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
31/12/15	PKT 40	31/12/15	Kết chuyển doanh thu	511	3.073.682.710	
				515	140.805	
				911		3.073.823.515
31/12/15	PKT 41	31/12/15	Kết chuyển chi phí	632	2.413.560.929	
				642	584.236.254	
				911		2.997.797.183
			.....			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b><u>16.239.263.823</u></b>	<b><u>16.239.263.823</u></b>

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

Căn cứ vào Nhật kí chung (biểu 2.24) kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu 2.27)

**Biểu 2.25: Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
15/12/15	HĐ 0001701, PT 97	15/12/15	Dịch vụ ăn uống	111		11.760.000
			...			
20/12/15	HĐ 0001711, PT 115	20/12/15	Dịch vụ ăn uống	111		8.750.000
			.....			
21/12/15	HĐ 0001715, PT121	21/12/15	Khách lẻ	111		26.200.000
			.....			
31/12/15	PKT 40	31/12/15	Kết chuyển doanh thu	911	3.073.823.515	
			- Cộng số phát sinh		<b>3.073.682.710</b>	<b>3.073.682.710</b>
			- Số dư cuối năm		-	-

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu 2.26: Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

CÔNG TY TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức  
Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
..	...	..	...	....	...	...
31/12/15	GBL 1074	31/12/15	Ngân hàng trả lãi	112		11.733
31/12/15	PKT 41	31/12/15	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	140.805	
			- Cộng số phát sinh		<b>140.805</b>	<b>140.805</b>
			- Số dư cuối năm		-	-

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu 2.27 : Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

CÔNG TY TNHH Dịch vụ và Du Lịch Anh Đức

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-Hải Phòng

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
...	...	...	..	..	...	...
28/12/15	HĐ1002039	28/12/15	Thanh toán tiền điện thoại	111	1.830.675	
			.....			
31/12/15	BPB KH12	31/12/15	Khấu hao TSCĐ	214	63.027.326	
31/12/15	PKT 41	31/12/15	Kết chuyển chi phí QLDN	911		584.236.254
			- Cộng số phát sinh		584.236.254	584.236.254
			- Số dư cuối năm			



**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu 2.28 : Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

CÔNG TY TNHH Dịch vụ và Du Lịch Anh Đức

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ  
Sơn-Hải phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2015

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12/2015	PKT 30	31/12/2015	Xác định giá vốn	154	201.130.000	
			...			
31/12/2015	PKT 41	31/12/2015	Kết chuyển giá vốn sang kết quả kinh doanh	911		2.413.560.929
			- Cộng số phát sinh		<b>3.073.823.515</b>	<b>3.073.823.515</b>
			- Số dư năm			-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào Phiếu kế toán số 42 biểu số 2.29, phiếu kế toán số 43 biểu số 2.30, biểu số 44 biểu số 2.31

**Biểu 2.29: Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 42

Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	3334	15.205.266
<b>Cộng</b>			<b>15.205.266</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 42 (Biểu 2.29) kế toán lập phiếu kế toán số 43 (Biểu 2.30)

**Biểu 2.30: Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 43

Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển thuế TNDN năm 2015	911	821	15.205.266
<b>Cộng</b>			<b>15.205.266</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(*Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức*)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 43 (Biểu 2.30) kế toán lập phiếu kế toán 44 (Biểu 2.31).

**Biểu 2.31: Phiếu kế toán**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 44

Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lợi nhuận năm 2015	911	421	60.821.066
<b>Cộng</b>			<b>60.821.066</b>

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(*Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức*)

**Biểu 2.32: Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

Công ty TNHH Dịch vụ và Du Lịch Anh Đức  
Đường Vạn Hoa, khu 2, p.Vạn Hương, Đồ Sơn-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tài khoản: TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12/201 5	PKT 40	31/12/201 5	Kết chuyển chi phí	632 642	2.413.560.929 584.236.254	
31/12/201 5	PKT 41	31/12/201 5	Kết chuyển doanh thu	511 515		3.073.682.710 140.805
31/12/201 5	PKT 42	31/12/201 5	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2015	821	15.205.266	
			....			
31/12/201 5	PKT 44	31/12/201 5	Kết chuyển lợi nhuận năm 2015	421	60.821.066	
			- Cộng số phát sinh		<b>3.073.823.515</b>	<b>3.073.823.515</b>
			- Số dư cuối năm			

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào Phiếu kế toán số 42 (Biểu 2.29), số 43 (Biểu 2.30), số 44 (Biểu 2.31) kế toán lập sổ Nhật kí chung (Biểu 2.33), Sổ Cái TK 821 (Biểu 2.34), Sổ Cái TK 421 (Biểu 2.35)

**Biểu 2.33: Nhật kí chung**

Mẫu S03-DNN

Công Ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Năm:2015

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
31/12/15	PKT42	31/12/15	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	15.205.266	
				3334		15.205.266
31/12/15	PKT43	31/12/15	Kết chuyển CP thuế TNDN	821		15.205.266
					15.205.266	
				911	15.205.266	
31/12/15	PKT44	31/12/15	Kết chuyển lãi	421		60.821.066
					60.821.066	
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>16.239.263.823</b>	<b>16.239.263.823</b>

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu 2.34 : Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

Công ty TNHH Dịch vụ và Du Lịch Anh Đức  
Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-  
Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tài khoản: TK 821 – Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm		-	-
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12/2015	PKT 42	31/12/15	Thuế TNDN phải nộp năm 2015	3334	15.205.266	
31/12/2015	PKT 43	31/12/2015	Kết chuyển chi phí hiện hành sang KQSXKD năm 2015	911		15.205.266
			- Cộng số phát sinh		15.205.266	15.205.266
			- Số dư cuối năm			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

**Biểu 2.35 : Sổ cái**

Mẫu số: S03b-DNN

Công ty TNHH Dịch vụ và Du Lịch Anh Đức

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-  
Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**TRÍCH SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tài khoản: TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			186.234.554
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12/2015	PKT 44	31/12/2015	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015			60.821.066
			- Cộng số phát sinh			60.821.066
			- Số dư cuối năm			247.055.620

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức)

- Căn cứ vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.25), Sổ cái TK 515 (Biểu 2.26), Sổ cái TK 642 (Biểu 2.27), Sổ cái TK 632 (Biểu 2.28), Sổ cái TK 911 (Biểu 2.29), Sổ cái TK 821 (Biểu 2.34), Sổ cái TK 421 (Biểu 2.35) kế toán lập bảng lập bảng báo cáo kết quả kinh doanh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Niên độ tài chính năm 2015

**Mã số thuế:** 0200764732

**Người nộp thuế:** CÔNG TY TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	3.073.682.710	2.074.121.093
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.073.682.710</b>	<b>2.074.121.093</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		2.413.560.929	1.523.922.371
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>660.121.781</b>	<b>550.198.722</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		140.805	281.6100
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		584.236.254	497.744.079
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>		<b>76.026.332</b>	<b>52.736.253</b>
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	IV.09	<b>76.026.332</b>	<b>52.736.253</b>
14	Chi phí thuế TNDN	51		15.205.266	11.601.975
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh</b>	<b>60</b>		<b>60.821.066</b>	<b>41.125.278</b>

Người ký: Đinh Thị Châm

Ngày ký: 28/02/2016

### CHƯƠNG 3:

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ANH ĐỨC

### 3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Dịch vụ và du lịch Anh Đức

#### 3.1.1 Ưu điểm

Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức được thành lập 9 năm, ngay từ ngày thành lập công ty đã từng bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt. Trong lịch sử phát triển của mình, Công ty đã đạt được những thành công to lớn, song cũng gặp không ít những khó khăn, nhất là nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường. Trong quá trình ấy, Công ty đã chủ động đề ra những giải pháp về mặt kinh tế, kỹ thuật có hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn, hoà nhập vào nền kinh tế của thị trường. Nhờ vậy những năm trở lại đây, Công ty đã đạt được nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh.

#### ❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, hình thức gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban Giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện một cách trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác. Từ đó, Ban Giám đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp đúng đắn trong kỳ kinh doanh tiếp theo.

+ Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Nhờ đó, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

+ Nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, Ban Giám đốc

cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung cấp... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Đặc điểm Công ty thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ thì hình thức này rất phù hợp.
- Về hệ thống chứng từ của công ty: Chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.
- Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.
- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề luôn được nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.
- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.
- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ Báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/ 2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### 3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- **Về chính sách áp dụng trong bán hàng:**

Công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- **Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:**

Công ty chưa tiến hành lập Sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng. Làm cho công ty không theo dõi được cụ thể chi tiết doanh thu của từng mặt hàng. Do đó, không xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Vì vậy không có cơ sở để lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu.

- **Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Hiện tại công tác kế toán tại đơn vị được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn và thiếu sót.

Trong thời kỳ công nghệ thông tin hiện nay ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

### 3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy hiệu quả.

### **3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

Mục đích của các doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao nên việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một trong những nội dung cần làm để đạt được mục tiêu này của doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các phần mềm kế toán mới nhất, các thông tư mới nhất... phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc, chấp hành pháp luật mà còn có vai trò qua trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Cơ sở để hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như:

- + Đảm bảo tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành
- + Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn.
- + Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung.

### **3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức**

#### **3.4.1 Kiến nghị 1: Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh**

- **Lý do kiến nghị:** Kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức chưa mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng
- **Mục tiêu của giải pháp:** Công tác kế toán quản lý được chi tiết, cụ thể từng mặt hàng doanh thu, từng chi phí sản xuất kinh doanh thì công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức sẽ quản lý được tốt hơn, đầy đủ hơn doanh thu, chi phí, hạn chế việc nhầm lẫn, sai sót gây ảnh hưởng đến việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty chưa thực sự chuẩn xác
- Cách thức tiến hành

Để phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh công ty nên:

+ Lập sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm.

+ Ban lãnh đạo công ty sẽ nắm bắt mặt hàng nào sẽ nắm bắt được cơ cấu mặt hàng, nắm bắt được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận gộp cao nhất. Công ty biết được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận cao để từ đó đẩy mạnh

Em xin đưa ra mẫu Sổ chi tiết doanh thu bán hàng như sau:

**Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị:....

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ:....

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(5212, 5231)
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

- Sổ này có ...trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày ..... tháng ... năm ...

Ngày ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị:.....

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của BTC)

**SỔ CHÍ PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK: 154, 642, 632.....)

- Tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Tháng.....năm.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						...	...	...	...
			Số dư đầu kì						
			Số phát sinh trong kì						
			.....						
			Cộng số phát sinh trong kì						
			Ghi Có TK						
			Số dư cuối kì						

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: .....

Ngày ...tháng...năm

Ngày ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 3.4.2 Kiến nghị 2: Về chính sách chăm sóc khách hàng

- Lý do kiến nghị: Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn thu hút được những khách hàng cũ, công ty nên xây dựng các chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp với tình hình của công ty.

- Mục tiêu của giải pháp: Việc áp dụng chính sách chăm sóc khách hàng như vậy không những công ty có thể giữ lại khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty.

- Cách thức tiến hành:

+ Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức tạo các thẻ VIP với mức hưởng chiết khấu 5%, 10%, 15% cho khách hàng thường xuyên sử dụng dịch vụ của công ty và xây dựng thêm hệ thống tích lũy điểm, xu quy đổi theo hoá đơn

+ Tặng ưu đãi đối với những khách hàng thanh toán hoá đơn với số tiền lớn.

\*  $3.000.000 < \text{Hoá đơn} < 4.000.000$  : Tặng kèm hoa quả tráng miệng,...

\*  $4.000.000 < \text{Hoá đơn} < 7.000.000$ : Tặng 6 lon nước ngọt,...

\* Hoá đơn  $> 7.000.000$ : Tặng 01 chai rượu vodka cá sấu,...

+ Giảm 10% cho những khách hàng giới thiệu các dịch vụ của công ty cho những khách hàng khác.

+ Tặng voucher cho khách hàng nhân dịp sinh nhật, dịp đặc biệt,... để chi ân khách hàng thân thiết

.....

### 3.4.3 Kiến nghị 3: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

- Lý do kiến nghị: Hiện nay Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian công sức của kế toán. Theo em, công ty nên cân nhắc đầu tư sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế.

- Mục tiêu giải pháp: Giúp tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, giảm chi phí thuê kế toán giỏi, giàu kinh nghiệm, cập nhật các thông tin, quy định mới một cách nhanh chóng, chính xác hơn.

- Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty áp dụng phần mềm kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp như MISA, FAST... Với hình thức nhật kí chung công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA.

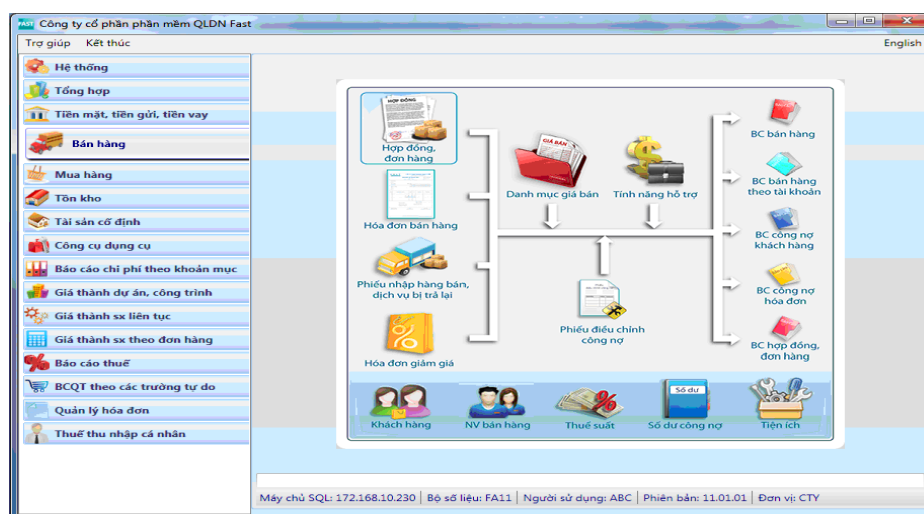


Phần mềm kế toán MISA:



**Hình 3.3** Giao diện hoạt động phần mềm kế toán MISA

Hay sử dụng phần mềm kế toán FAST:



**Hình 3.4:** Giao diện hoạt động phần mềm kế toán FAST

Cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin hiện nay. Việc áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán kế toán tại công ty là cần thiết đối với công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức là một công ty có khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều. Áp dụng phần mềm kế toán tiết kiệm được thời gian và chi phí nhân viên kế toán, giúp cho công tác quản lý được nâng cao, công việc hạch toán kế toán của công ty không bị chậm trễ.

Theo như hiện nay thì mỗi kế toán đã được trang bị một máy tính riêng việc đưa

phần mềm kế toán và ứng dụng là hợp lý và thuận lợi, trình độ của kế toán trong ứng dụng tin học cao ít gặp trở ngại khi sử dụng phần mềm. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng đảm bảo cho công tác hạch toán của Công ty sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với công ty.

### **3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp**

#### **3.5.1 Về phía nhà nước**

- Tạo điều kiện cho tổ chức cá nhân kinh doanh một cách hợp pháp và thuận lợi thông qua việc hạn chế các thủ tục hành chính phức tạp không cần thiết
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp lý chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm
- Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

#### **3.5.2 Về phía doanh nghiệp**

- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.
- Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm và có đạo đức nghề nghiệp
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính
- Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính
- Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán
- Cán bộ quản lý phải nắm vững và tổ chức việc thực hiện chính sách
- Chế độ kế toán hiện hành, thường xuyên cập nhật áp dụng chính sách thông tư mới do Bộ tài chính bổ sung và hoàn thiện
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

## KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định kết quả kinh doanh sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất, tăng thu nhập.

Đề tài khoá luận của em là: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Bài khoá luận trình bày những lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức năm 2015

Về mặt thực tế: Bài khoá luận đã phản ánh khá đầy đủ về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

Về mặt giải pháp: Bài khoá luận đã nêu một số những ý kiến, giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức

Do thời gian thực tập có hạn, kiến thức của bản thân còn hạn chế nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán đã tận tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho bài biết này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo hướng dẫn ThS. Nguyễn Đức Kiên – người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2016

Sinh viên

Phạm Thị Minh Phương

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gs.Ts Ngô Thế Chi – Ts Trương Thị Thuỳ (2008), *Giáo Trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội
2. *Ts Phan Đức Dũng (2006), Kế toán tài chính*, NXB Thống kê, Hà Nội
3. Đặng Thị Loan, *Kế toán tài chính doanh nghiệp*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
4. *Khoá luận tốt nghiệp khoá trước*
5. Các trang web: [www.timtailieu.vn](http://www.timtailieu.vn), [www.doko.vn](http://www.doko.vn),...
6. Và một số tài liệu số sách do Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Anh Đức cung cấp